

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1144** /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **28** tháng **6** năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Phê duyệt Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi
nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá,
giai đoạn 2016 - 2020**

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số: 5.011.1
	Ngày: 29/6/16
	Chuyên:

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 21/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Quốc gia “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020”;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XIX;

Căn cứ Kế hoạch số 2835/KH-UBND ngày 29/7/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện Chương trình hành động số 40-CTr/TU ngày 05/4/2013 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về việc thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 346/TTr-SKH-CN ngày 15/6/2016 về việc phê duyệt “Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá, giai đoạn 2016 - 2020”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá, giai đoạn 2016 - 2020 (Có Chương trình kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương có liên quan triển khai thực hiện Chương trình theo đúng mục tiêu và nội dung.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tin và Truyền thông; Trưởng ban Ban Quản lý

Khu Kinh tế Dung Quất; Trưởng ban Ban Quản lý Khu công nghiệp Quảng Ngãi; Liên minh các Hợp tác xã; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành liên quan; các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có liên quan trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT(VX) UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP(VX), CBTH;
- Lưu: VT, VXhmy352



CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH

Lê Quang Thích

**CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP TỈNH QUẢNG NGÃI
NÂNG CAO NĂNG SUẤT VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ
GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 28 / 6 /2016
của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

I. SỰ CẦN THIẾT

Trong thời gian qua, khoa học và công nghệ đã có nhiều đóng góp tích cực phục vụ sản xuất, đặc biệt là sản xuất công nghiệp, góp phần đáng kể trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Việc áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, tham gia Giải thưởng chất lượng quốc gia, xác lập quyền sở hữu trí tuệ, đổi mới thiết bị - công nghệ... giúp doanh nghiệp khẳng định được sự ổn định của sản phẩm, hàng hóa, được người tiêu dùng và thị trường chấp nhận, cải thiện đáng kể hình ảnh của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, trong điều kiện hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới, doanh nghiệp muốn tồn tại và đứng vững trên thị trường, đặt ra yêu cầu cấp thiết là doanh nghiệp phải nâng cao năng lực cạnh tranh thể hiện qua hoạt động đổi mới - sáng tạo, mà trọng tâm là chất lượng và giá thành sản phẩm, hàng hóa. Trong điều kiện còn hạn chế về vốn, để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, thì việc đẩy mạnh áp dụng các công cụ cải tiến năng suất chất lượng, các hệ thống quản lý tiên tiến là giải pháp tối ưu cho doanh nghiệp.

Từ nhu cầu thực tế của địa phương, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XIX đã xác định phát triển công nghiệp là nhiệm vụ đột phá, với giải pháp chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo hướng phát triển công nghệ cao, công nghệ sạch, tăng tỷ trọng giá trị nội địa trong sản phẩm công nghiệp. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến.

Trên cơ sở kết quả đạt được của các Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp (giai đoạn 2006 - 2010 và 2011 - 2015), giai đoạn 2016 - 2020, hoạt động khoa học và công nghệ cần chú trọng hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh hoạt động đổi mới - sáng tạo để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Qua đó, xây dựng được phong trào năng suất, chất lượng trên địa bàn nhằm nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về hoạt động đổi mới - sáng tạo thông qua việc áp dụng các công cụ cải tiến năng suất chất lượng, các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, hệ thống các tiêu chuẩn... góp phần nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa với quan điểm Nhà nước đóng vai trò kiến tạo, hỗ trợ; doanh nghiệp đóng vai trò chủ yếu trong việc nâng cao năng

suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa là một nhiệm vụ rất cần thiết để thực hiện thắng lợi mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XIX đề ra.

II. MỤC TIÊU

- Nâng cao nhận thức cho cộng đồng doanh nghiệp trong tỉnh về vai trò của hoạt động đổi mới - sáng tạo nhằm nâng cao năng lực quản lý, năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các công cụ cải tiến năng suất và chất lượng, các hệ thống quản lý tiên tiến, hệ thống các tiêu chuẩn để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của địa phương.

- Tạo bước chuyển biến rõ rệt về năng suất lao động và chất lượng của sản phẩm, hàng hóa; nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Nâng cao nhận thức

a) Tuyên truyền, phổ biến

- Tổ chức 5 - 7 hội nghị, hội thảo tuyên truyền, phổ biến cho doanh nghiệp về các công cụ nâng cao năng suất chất lượng, các hệ thống quản lý tiên tiến.

- Phối hợp với Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh xây dựng và phát sóng tối thiểu 04 chương trình truyền hình/năm về phong trào năng suất chất lượng.

- Quảng bá Chương trình và các doanh nghiệp điển hình trên Báo Quảng Ngãi, Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Website thành phần và Bản tin Khoa học và Công nghệ của Sở Khoa học và Công nghệ.

- Biên soạn và phát hành các ấn phẩm, tờ rơi để tuyên truyền, quảng bá.

b) Tập huấn, đào tạo

- Tổ chức 5 - 10 khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu về các công cụ nâng cao năng suất chất lượng, các hệ thống quản lý tiên tiến; 05 lớp tập huấn về Giải thưởng Chất lượng Quốc gia... cho cán bộ chuyên môn của các doanh nghiệp.

- Tổ chức tham quan học tập tại các địa phương trong nước có phong trào năng suất, chất lượng phát triển mạnh.

- Cán bộ chuyên môn của các doanh nghiệp khi tham gia các khóa tập huấn, đào tạo do Chương trình tổ chức được cung cấp tài liệu và miễn học phí.

2. Hỗ trợ áp dụng

a) Áp dụng công cụ cải tiến

a.1) Nội dung

Hỗ trợ doanh nghiệp triển khai và áp dụng các công cụ cải tiến năng suất chất lượng sau:

- 5S (*5S Best Practices*): Thực hành tốt 5S.
- Kaizen: Cải tiến liên tục.
- Lean (*Lean Manufacturing*): Quản lý sản xuất tinh gọn.
- Six Sigma: Giảm thiểu tỷ lệ sai sót.
- TPM (*Total Productive Maintenance*): Duy trì hiệu suất thiết bị.
- KPI (*Key Performance Indicator*): Chỉ số đánh giá hoạt động chính.
- QCC (*Quality Control Circle*): Nhóm kiểm soát chất lượng.
- MFCA (*Material Flow Cost Accounting*): Giảm lãng phí nguyên vật liệu.
- SPC (*Statistical Process Control*): Kiểm soát quá trình bằng kỹ thuật thống kê.
- 7 QC Tool (*7 Basic Quality Control Tools*): 7 công cụ kiểm soát chất lượng cơ bản.
- CRM (*Customer Relationship Management*): Quản lý quan hệ khách hàng.
- BSC (*Balanced Scorecard*): Thẻ điểm cân bằng.
- GHK (*Good House Keeping*): Quản lý nội tại hiệu quả...

a.2) Mức hỗ trợ

Doanh nghiệp được hỗ trợ 50.000.000 đồng đối với từng loại công cụ khác nhau.

b) Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến

b.1) Nội dung

Hỗ trợ doanh nghiệp triển khai xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến sau:

- HACCP (*Hazard Analysis and Critical Control Points*): Phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn.
- ISO 9001:2008 (*Quality Management Systems*): Hệ thống quản lý chất lượng.
- ISO 14001 (*Environmental Management Systems*): Hệ thống quản lý môi trường.
- ISO 22000 (*Food safety management systems*): Hệ thống quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm.
- ISO 27001 (*Information security management system*): Hệ thống quản lý an ninh thông tin.
- ISO 31000 (*Risk management systems*): Hệ thống quản lý rủi ro.
- ISO 50001 (*Energy Management System*): Hệ thống quản lý năng lượng.
- OHSAS 18001 (*Occupational Health and Safety*): An toàn và sức khỏe nghề nghiệp.
- SA 8000 hay ISO 26000 (*Social and Accountability*): Trách nhiệm xã hội.

- TQM (*Total Quality Management*): Hệ thống quản lý chất lượng toàn diện.
- GMP (*Good Manufacturing Practices*): Thực hành sản xuất tốt.
- GAP (*Good Agricultural Practices*): Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt.
- SQF (*Safe Quality Food*): Chất lượng an toàn thực phẩm.

b.2) Mức hỗ trợ

- Đạt tiêu chuẩn HACCP, ISO 14001, ISO 22000, ISO 50001: 50.000.000 đồng.
- Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008:
 - + Doanh nghiệp sản xuất công nghiệp và xây dựng: 30.000.000 đồng
 - + Doanh nghiệp kinh doanh và dịch vụ: 20.000.000 đồng
- Đạt tiêu chuẩn ISO 27001, ISO 31000, OHSAS 18001, SA 8000, TQM, GMP, GAP, SQF...: 30.000.000 đồng.

c) Áp dụng các hệ thống tích hợp

c.1) Nội dung

Hỗ trợ doanh nghiệp triển khai xây dựng và áp dụng hệ thống tích hợp từ 2 (hai) hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến trở lên.

c.2) Mức hỗ trợ

Doanh nghiệp được hỗ trợ 50.000.000 đồng đối với mỗi hệ thống tích hợp.

d) Tham gia Giải thưởng chất lượng quốc gia và Hội chợ Hàng Việt Nam chất lượng cao

d.1) Nội dung

Hỗ trợ doanh nghiệp đạt giải khi tham gia Giải thưởng chất lượng quốc gia, Hàng Việt Nam chất lượng cao.

d.2) Mức hỗ trợ

- Đạt Giải thưởng Chất lượng Châu Á - Thái Bình Dương: 50.000.000 đồng.
- Đạt Giải thưởng chất lượng quốc gia:
 - + Giải Vàng chất lượng quốc gia: 40.000.000 đồng
 - + Giải Bạc chất lượng quốc gia: 30.000.000 đồng
- Đạt giải thưởng Hàng Việt Nam chất lượng cao: 10.000.000 đồng.

e) Chứng nhận và công bố hợp chuẩn cho sản phẩm, hàng hóa

Doanh nghiệp có sản phẩm được các tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật cấp Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, được hỗ trợ tính theo từng loại sản phẩm:

- Phù hợp Tiêu chuẩn Việt Nam: 20.000.000 đồng.
- Phù hợp Tiêu chuẩn nước ngoài: 30.000.000 đồng.

- Phù hợp Tiêu chuẩn khu vực, Tiêu chuẩn quốc tế: 40.000.000 đồng.

IV. ĐỐI TƯỢNG THAM GIA

Đối tượng áp dụng Chương trình là doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh, thuộc các thành phần kinh tế (trừ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài); Hợp tác xã (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) đang hoạt động sản xuất - kinh doanh theo đúng ngành nghề đăng ký và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với nhà nước (tỉnh Quảng Ngãi) theo quy định pháp luật.

V. CƠ QUAN CHỦ TRÌ, CHỦ NHIỆM CHƯƠNG TRÌNH

1. Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Ngãi.

Chủ nhiệm Chương trình: Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

Chủ nhiệm Chương trình có trách nhiệm điều hành bộ máy cơ quan Sở Khoa học và Công nghệ triển khai thực hiện Chương trình; quyết định thành lập Tổ thư ký và bộ phận làm đầu mối thực hiện Chương trình.

2. Cơ quan phối hợp: Các Sở Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi, Liên minh các Hợp tác xã, UBND các huyện/thành phố.

VI. THỜI GIAN THỰC HIỆN

Giai đoạn 2016 - 2020.

VII. PHƯƠNG THỨC HỖ TRỢ

Chương trình hỗ trợ theo hình thức cấp kinh phí một lần, qua tài khoản của doanh nghiệp sau khi hồ sơ của doanh nghiệp được hội đồng thẩm định thông qua.

VIII. KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH

1. Khái toán kinh phí thực hiện Chương trình

- Khái phí thực hiện Chương trình dự kiến khoảng 6.500.000.000 đồng (*Sáu tỷ năm trăm triệu đồng chẵn*), nội dung và dự trừ kinh phí có Phụ lục kèm theo.

2. Nguồn Kinh phí thực hiện Chương trình

- Kinh phí cho Chương trình được lấy từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm được UBND tỉnh giao cho Sở Khoa học và Công nghệ. Trong đó, mức chi cho tổ chức họp hội đồng xét duyệt, nghiệm thu; tổng kết Chương trình; thù lao chủ nhiệm, thư ký Chương trình... theo quy định hiện hành của nhà nước.

- Hàng năm, cùng với thời điểm xây dựng dự toán, Sở Khoa học và Công nghệ lập dự toán kinh phí thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2016-2020 gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

IX. HỒ SƠ THAM GIA, XÉT DUYỆT VÀ HỖ TRỢ

1. Hồ sơ tham gia

Doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ hồ sơ và thời gian theo quy định của Chương trình.

2. Xét duyệt

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Chủ nhiệm Chương trình thành lập hội đồng tư vấn thẩm định, xét duyệt đối với từng hồ sơ.

3. Hỗ trợ

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Chủ nhiệm Chương trình quyết định hỗ trợ khi doanh nghiệp đáp ứng đủ các điều kiện của Chương trình.

X. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

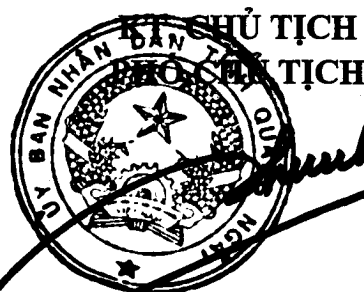
Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Chủ nhiệm Chương trình:

- Ban hành các quy định về hệ thống biểu mẫu; các tiêu chí thẩm tra, xét duyệt; thời gian tiếp nhận hồ sơ và quy trình thực hiện hỗ trợ.

- Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành; UBND các huyện/thành phố, Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi và các cơ quan liên quan tổ chức phổ biến, tuyên truyền nội dung Chương trình đến mọi doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì triển khai thực hiện Chương trình đúng nội dung, tiến độ và đạt hiệu quả; hàng năm tổ chức sơ kết, tổng kết Chương trình vào tháng 12 năm 2020.

- Sử dụng và quyết toán kinh phí Chương trình theo đúng quy định của Chương trình và chế độ tài chính hiện hành của nhà nước. Báo cáo UBND tỉnh kinh phí đã thực hiện hàng năm và trình UBND tỉnh việc chuyển kinh phí năm trước còn lại (nếu có) phục vụ cho Chương trình vào năm sau./.

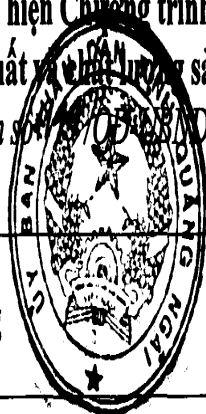


Lê Quang Thích

Phụ lục 1

**Nội dung thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi
nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá, giai đoạn 2016 – 2020**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 197/QĐ-UBND ngày 28/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)



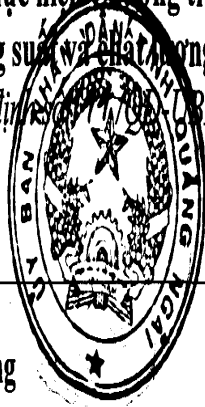
TT	Nội dung	Dự kiến nội dung					Tổng	Ghi chú
		2016	2017	2018	2019	2020		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1.	Tuyên truyền, phổ biến							
1.1	Tổ chức hội nghị, hội thảo	1	1	1	1	1	5	đợt
1.2	Xây dựng và phát sóng chương trình truyền hình	1	2	2	2	1	8	đợt
1.3	Quảng bá Chương trình trên Báo, Đài	1	2	2	2	1	8	đợt
1.4	Biên soạn, phát hành các ấn phẩm, tờ rơi	1					1	đợt
2.	Tập huấn, đào tạo							
2.1	Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho doanh nghiệp	1	2	2	2		7	đợt
3.	Hỗ trợ áp dụng							
3.1	Áp dụng công cụ cải tiến năng suất chất lượng		10	10	10	10	40	công cụ
3.2	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến							
	- Đạt tiêu chuẩn HACCP, ISO 14001, ISO 22000, ISO 50001	2	3	3	3	3	14	hệ thống
	- Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008							
	+ Doanh nghiệp sản xuất công nghiệp và xây dựng	3	3	3	3	3	15	hệ thống
	+ Doanh nghiệp kinh doanh và dịch vụ	3	3	3	3	3	15	hệ thống

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
	- Đạt tiêu chuẩn ISO 27001, ISO 31000, OHSAS 18001, SA 8000, TQM, GMP, GAP, SQF...	2	3	3	3	3	14	hệ thống
3.3	Áp dụng các hệ thống tích hợp		2	2	2	2	8	hệ thống
3.4	Tham gia Giải thưởng chất lượng quốc gia và Hội chợ Hàng Việt Nam chất lượng cao							
	- Giải thưởng chất lượng quốc gia							
	+ Đạt Giải thưởng Chất lượng Châu Á - Thái Bình Dương			1			1	doanh nghiệp
	+ Đạt Giải Vàng chất lượng quốc gia		1	1	1	1	4	doanh nghiệp
	+ Đạt Giải Bạc chất lượng quốc gia	1	2	2	2	2	9	doanh nghiệp
	- Đạt giải thưởng Hàng Việt Nam chất lượng cao	2	2	2	2	2	10	sản phẩm
3.5	Chứng nhận và công bố hợp chuẩn cho sản phẩm, hàng hóa							
	- Phù hợp Tiêu chuẩn Việt Nam		2	2	2	2	8	sản phẩm
	- Phù hợp Tiêu chuẩn nước ngoài		2	2	2	2	8	sản phẩm
	- Phù hợp Tiêu chuẩn khu vực, Tiêu chuẩn quốc tế		2	2	2	2	8	sản phẩm

Phụ lục 2

**Kinh phí thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi
nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá, giai đoạn 2016 – 2020**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 28/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)



Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Dự kiến kinh phí thực hiện					Tổng	Ghi chú
		2016	2017	2018	2019	2020		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1.	Tuyên truyền, phổ biến	50	110	110	110	70	450	
1.1	Tổ chức hội nghị, hội thảo	30	30	30	30	30		30 triệu/đợt
1.2	Xây dựng và phát sóng chương trình truyền hình		60	60	60	30		30 triệu/đợt
1.3	Quảng bá Chương trình trên Báo, Đài	10	20	20	20	10		10 triệu/đợt
1.4	Biên soạn, phát hành các ấn phẩm, tờ rơi	10						500 tờ rơi
2.	Tập huấn, đào tạo	40	80	80	80		280	
2.1	Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho doanh nghiệp	40	80	80	80			40 triệu/đợt
3.	Hỗ trợ áp dụng	360	1.290	1.340	1.290	1.290	5.570	
3.1	Áp dụng công cụ cải tiến		500	500	500	500		50 triệu/công cụ
3.2	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến							
	- Đạt tiêu chuẩn HACCP, ISO 14001, ISO 22000, ISO 50001	100	150	150	150	150		50 triệu/hệ thống
	- Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008							
	+ Doanh nghiệp sản xuất công nghiệp và xây dựng	90	90	90	90	90		30 triệu/hệ thống

	+ Doanh nghiệp kinh doanh và dịch vụ	60	60	60	60	60		20 triệu/hệ thống
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	- Đạt tiêu chuẩn ISO 27001, ISO 31000, OHSAS 18001, SA 8000, TQM, GMP, GAP, SQF...	60	90	90	90	90		30 triệu/hệ thống
3.3	Áp dụng các hệ thống tích hợp		100	100	100	100		50 triệu/hệ thống
3.4	Tham gia Giải thưởng chất lượng quốc gia và Hội chợ Hàng Việt Nam chất lượng cao							
	- Giải thưởng chất lượng quốc gia							
	+ Đạt Giải thưởng Chất lượng Châu Á - Thái Bình Dương			50				50 triệu/doanh nghiệp
	+ Đạt Giải Vàng chất lượng quốc gia		40	40	40	40		40 triệu/doanh nghiệp
	+ Đạt Giải Bạc chất lượng quốc gia	30	60	60	60	60		30 triệu/doanh nghiệp
	- Đạt giải thưởng Hàng Việt Nam chất lượng cao	20	20	20	20	20		10 triệu/sản phẩm
3.5	Chứng nhận và công bố hợp chuẩn cho sản phẩm, hàng hóa							
	- Phù hợp Tiêu chuẩn Việt Nam		40	40	40	40		20 triệu/sản phẩm
	- Phù hợp Tiêu chuẩn nước ngoài		60	60	60	60		30 triệu/sản phẩm
	- Phù hợp Tiêu chuẩn khu vực, Tiêu chuẩn quốc tế		80	80	80	80		40 triệu/sản phẩm
4.	Chi khác (họp hội đồng xét duyệt, nghiệm thu; sơ kết, tổng kết; thù lao Chủ nhiệm, thư ký Chương trình...)	10	45	45	50	50	200	
	TỔNG CỘNG	450	1.525	1.575	1.530	1.410	6.500	
<i>Bảng chữ: Sáu tỷ năm trăm triệu đồng chẵn</i>								